Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 62, No 7 (2021) 157-162

KNOWLEDGE, PRACTICE ON OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH OF WORKERS IN INNOV GREEN COMPANY IN THE NGHI SON ECONOMIC ZONE, TINH GIA DISTRICT, THANH HOA PROVINCE IN 2019

Ngo Thi Nhu*, Le Thi Kieu Hanh, Dang Thi Thu Nga

Thai Binh University Medicine and Pharmacy - 373 Ly Bon, Thai Binh city, Vietnam

Received 27/08/2021
Revised 01/10/2021; Accepted 12/11/2021

ABSTRACT

The descriptive, cross-sectional study was implemented in Innov Green Company from September, 2019 to December, 2019 to assess the knowledge, practice of workers on occupational safety and health. The results showed that most of workers knew that protective clothing, gloves, and masks were personal protective equipment (PPE) with 98.3%, 82.6% and 71.6% respectively. In addition, the rate of workers knew about the diseases caused by working environment was pneumoconiosis (49.2%); osteoarthritis (45.8%). The percentage of workers using PPE regularly was 98.7%, in which the rate of workers used protective clothing, masks, and gloves were 91.2%, 75.3% and 44.7% respectively.

Keywords: Occupational safety and health, wood processing factory, knowledge, practice.

*Corressponding author
Email address: nhuytbvn@gmail.com
Phone number: (+84) 912 623 826
https://doi.org/10.52163/yhc.v62i7.224

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA CÔNG NHÂN CÔNG TY INNOV GREEN KHU KINH TẾ NGHI SƠN HUYỆN TĨNH GIA TỈNH THANH HÓA NĂM 2019

Ngô Thị Nhu*, Lê Thị Kiều Hạnh, Đặng Thị Thu Ngà

Trường Đại học Y Dược Thái Bình - 373 Lý Bôn, TP. Thái Bình, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27 tháng 08 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 01 tháng 10 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 12 tháng 11 năm 2021

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành tại Công ty Innov Green từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 nhằm đánh giá kiến thức, thực hành của công nhân về an toàn vệ sinh lao động. Kết quả cho thấy 98,3% công nhân biết đến bảo hộ lao động là quần áo bảo hộ lao động; 82,6% là găng tay; 71,6% là khẩu trang mặt nạ. Kiến thức của công nhân về các bệnh có thể mắc phải do môi trường làm việc là bụi phổi (49,2%); bệnh xương khớp (45,8%). Tỷ lệ công nhân sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên là 98,7% trong đó quần áo bảo hộ là 91,2%; khẩu trang là 75,3%; găng tay là 44,7%.

Từ khóa: An toàn lao động, nhà máy chế biến gỗ, kiến thức, thực hành.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hầu hết các trường hợp tử vong, thương tật và bệnh tật trên toàn thế giới do quá trình lao động có liên quan tới công việc gây ra đều có thể phòng tránh được nếu công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) được thực hiện tốt. Hiện nay, các tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc, nhưng ít được người lao động và chủ sử dụng lao động quan tâm, việc thực hiện quy trình ATVSLĐ đang được làm theo kiểu đối phó [7].

Hiện nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa không ngừng tăng lên, góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động, tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên một số doanh nghiệp hiện đang sử dụng các máy móc, thiết bị đã được sử dụng nhiều năm, công nghệ đang áp dụng đã cũ kỹ, lạc hậu, chính vì vậy trong quá trình vận hành, sản xuất gây ra nhiều tác hại đến sức khỏe cho người lao động như: bụi, ồn, rung, các hơi khí độc,... trong khi công nhân là người thường xuyên tiếp xúc với các yếu tố độc hại đó. Song phần lớn trong họ lại chưa được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, các trang bị phòng hộ lao động được cấp không đầy đủ về số lượng, chủng loại, hoặc không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Ngoài ra, do ý thức chấp hành của người lao động còn thấp, chưa hiểu hết tác hại của các yếu tố nguy hiểm trong môi trường lao động, nên họ không sử dụng phương tiện bảo hộ lao động và ít được tiếp cận các dịch vụ y tế. Đây là những yếu tố đang hằng ngày gây ảnh hưởng

*Tác giả liên hệ
Email: nhuytbvn@gmail.com
Điện thoại: (+84) 912 623 826
https://doi.org/10.52163/yhc.v62i7.224

đến sức khỏe người lao động. Để góp phần nâng cao sức khỏe người lao động chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Đánh giá kiến thức, thực hành về an toàn vệ sinh lao động của công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH Innov Green khu kinh tế Nghi Sơn huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại công ty TNHH Innov Green khu kinh tế Nghi Sơn huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa

2.2. Đối tượng nghiên cứu

- Người lao động làm việc tại Công ty TNHH Innov Green khu kinh tế Nghi Sơn huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa

2.3. Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9/2019 đến 12/2019

2.4. Phương pháp nghiên cứu

* Thiết kế nghiên cứu: Dịch tễ học mô tả dựa trên cuộc điều tra cắt ngang

* Chọn mẫu và cỡ mẫu:

+ Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu được tính theo công thức sau:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

- n: Cỡ mẫu nghiên cứu là số hộ gia đình điều tra

- a/2: Độ tin cậy lấy ở ngưỡng a = 0,05; $Z_{1-a/2} = 1,96$

- d: Khoảng sai lệch mong muốn, trong nghiên cứu này chúng tôi chọn d=0,05

- p: Ước tính tỷ lệ người lao động có kiến thức đúng về ATVSLĐ, theo kết quả nghiên cứu trước chọn p=0,75 [3]

Với các dữ liệu trên n được tính là 288 công nhân, thực tế chúng tôi điều tra được 299 công nhân.

+ Chọn mẫu

Xác định số công nhân tại công ty bằng cách lập danh sách toàn bộ công nhân tham gia sản xuất trong các công đoạn của qui trình sản xuất gỗ ván ép và ván dán để đưa vào nghiên cứu. Lựa chọn số công nhân vào nghiên cứu theo kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên cho đủ cỡ mẫu nghiên cứu.

2.5. Xử lý số liệu

Các số liệu được nhập vào máy tính và phân tích dựa trên phần mềm Epi-Data, SPSS và sử dụng các thuật toán thống kê y học

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Trình độ học vấn của công nhân (n=299)

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Biết đọc, biết viết	15	5,0
Tiểu học	43	14,4
Trung học cơ sở	93	31,1
THPT	129	43,1
CĐ,TH, ĐH	19	6,4

Kết quả bảng 3.1 cho thấy, các đối tượng được điều tra chủ yếu có trình độ học vấn là trung học cơ sở và trung học phổ thông (chiếm 74,2%); nhóm cao đẳng, đại học chiếm tỷ lệ thấp 6,4%.

Bảng 3.2. Kiến thức của công nhân về loại bảo hộ lao động được sử dụng (n=299)

Bảo hộ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giày	143	47,8
Ủng	103	34,4
Găng tay	247	82,6
Mũ, kính	216	72,2
Quần áo bảo hộ	294	98,3
Khẩu trang, mặt nạ	214	71,6
Nút tai	100	33,4
Điểm KTTB/Điểm TĐ	4,4/7	

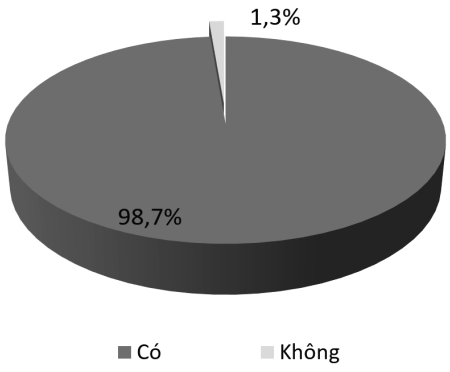
Khi được hỏi về các loại bảo hộ lao động được sử dụng trong lao động; có 98,3% công nhân kể được đó là quần áo bảo hộ; 82,6% kể được găng tay; 72,2% kể được mũ kính; 71,6% kể được khẩu trang và mặt nạ; nút tai là 33,4%; ủng là 34,4%; giày là 47,8%.

Bảng 3.3. Kiến thức của công nhân về những bệnh do môi trường làm việc không đảm bảo (n=299)

Yếu tố tác hại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bụi phổi	51	17,1
Viêm mũi họng	147	49,2
Nhiễm độc hóa chất độc	47	15,7
Điếc nghề nghiệp	27	9,0
Đau xương khớp	137	45,8
Bệnh mạn tính	55	18,4
Không biết	33	11,0
Điểm KTTB/Điểm KTTĐ	1,55/6	

Kết quả bảng 3.3 cho thấy khi được hỏi công nhân về những bệnh do môi trường làm việc không đảm bảo gây nên; tỷ lệ trả lời cao nhất là bệnh đau xương khớp và tai mũi họng (49,2% và 45,8%); 18% trả lời là gây bệnh mạn tính; 17% là bệnh bụi phổi; còn 11% trả lời không biết.

Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ công nhân sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên (n=299)



Biểu đồ 3.1 cho thấy tỷ lệ công nhân thường xuyên sử dụng bảo hộ lao động chiếm 98,7%.

Bảng 3.4. Các loại bảo hộ lao động được công nhân công ty thường xuyên sử dụng (n=295)

Bảo hộ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giày	109	36,9
Ủng	15	5,1
Găng tay	132	44,7
Mũ	140	47,5
Quần áo bảo hộ	269	91,2
Khẩu trang	222	75,3
Nút tai	22	7,5

Các loại bảo hộ lao động được công nhân sử dụng nhiều nhất là quần áo bảo hộ chiếm 91,2%; khẩu trang là 75,3%; 47,5% là mũ; 44,4% găng tay; 36,9% có sử dụng giầy.

Bảng 3.5. Tỷ lệ công nhân thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe cho mình và người xung quanh (n=299)

Bảo hộ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhắc nhở mọi người sử dụng BHLĐ	185	61,9
Đề nghị thời gian làm việc hợp lý	125	41,8
Đề nghị sửa chữa máy móc định kỳ	53	17,7
Đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch ATVSLĐ	3	1,0

Bảng 3.5 cho thấy ngoài việc sử dụng bảo hộ lao động, công nhân còn thực hiện các biện pháp khác để bảo vệ sức khỏe cho bản thân và người xung quanh: 61,9% có nhắc nhở mọi người sử dụng bảo hộ lao động; 41,8% đề nghị có thời gian lao động hợp lý; 17,7% đề nghị sửa chữa máy móc định kỳ.

4. BÀN LUẬN

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động và ATVSLĐ thì bản thân người lao động phải có kiến thức và thực hành tốt, nghiêm túc về ATVSLĐ tại công ty. Việc người lao động có kiến thức và thực hành tốt không

những phòng tránh được tai nạn thương tích trong lao động, phòng tránh bệnh nghề nghiệp mà còn nâng cao năng xuất lao động [2].

Kiến thức của công nhân về các loại bảo hộ lao động (BHLĐ) được sử dụng tại kết quả bảng 3.2 cho thấy đa số công nhân đều kể được quần áo bảo hộ lao động (98,3%); găng tay là 82,6%; mũ và kính là 72,2%; khẩu trang, mặt nạ là 71,6%; các bảo hộ khác được biết đến với tỷ lệ thấp. Điều này có thể giải thích là người công nhân họ chỉ biết đến những BHLĐ mà họ thường được cấp phát hàng năm, hàng tháng và họ sử dụng hàng ngày trong công việc có thể là đặc thù; còn những loại BHLĐ khác họ không được phát và không sử dụng thì không biết.

Khi được hỏi công nhân về những bệnh gây ra do môi trường lao động không đảm bảo thì tỷ lệ trả lời rất thấp khi kể tên bệnh và nhóm bệnh; cao nhất kể được bệnh viêm mũi họng (49,1%); sau đến bệnh đau xương khớp (45,8%). Bệnh nghề nghiệp (BNN) được nhà nước bảo hiểm, có 38,1% công nhân kể được bệnh bụi phổi; 37% kể được nhóm bệnh hóa chất độc hại. Tỷ lệ trả lời không biết hoặc không trả lời chiếm tới 32%. Điều này có lẽ phù hợp với thực tế bởi vì họ không được khám BNN vì vậy mặc dù có nghe qua ở đâu đấy nhưng họ không hiểu hết được về BNN. Công nhân công ty mặc dù kiến thức chưa thực sự đầy đủ về ATVSLĐ nhưng tỷ lệ công nhân sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên chiếm 98,7%; song chủ yếu cũng là quần áo bảo hộ lao động chiếm 91,2%; khẩu trang là 75,3%; găng tay và mũ là 44,7% và 47,5%. So sánh với nghiên cứu của tác giả Đỗ Minh Sinh cho biết tỷ lệ người lao động có sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc đều rất thấp dưới 56%. Đặc biệt không quan sát thấy người lao động tại khâu cán nhôm sử dụng chụp tai trong quá trình làm việc [4]. Có lẽ đây cũng là tình trạng chung của người lao động tại các công ty hiện nay [1], [5], [6].

5. KẾT LUẬN

- Kiến thức của công nhân về các bệnh có thể mắc do môi trường làm việc không đảm bảo chiếm tỷ lệ thấp. Tỷ lệ trả lời cao nhất là kể được bệnh bụi phổi với 49,2%; bệnh xương khớp là 45,8%.

- Tỷ lệ công nhân công ty sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên là 98,7%; nhưng không sử dụng đầy đủ: quần áo bảo hộ là 91,2%; khẩu trang là 75,3%; găng tay là 44,7%; giày là 36,9%; mũ là 47,5%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Diem TV, Studying labor conditions, conditions of male laborer's health at VICEM Tam Diep cement company in Ninh Binh province and effectiveness of some interventions, 2015, doctoral thesis in puplic health, Thai Binh University of Medicine and Pharmacy.

[2] Ha TTT, Son NV, Khue PM et al., Situation of allergic asthma caused by cotton dust among workers at the textile companies in Nam Dinh province in 2016, Journal of Prevantive Medicine, 2016, 14(187), 123.

[3] Phuong TD, Status of occupational safety, some related diseases, occupational diseases in the tunnel brick manufacturing industry in Bac Ninh, and effectiveness of some interventions, 2016, doctoral thesic on sociological hygien and medical organization, Thai Nguyen University.

[4] Sinh DM, Studying labor conditions, conditions of health and diseases of laborers in Binh Yen trade village of aluminum recycling in Nam Dinh province and effectiveness of some interventions, 2017, doctoral thesis in puplic health, Thai Binh University of Medicine and Pharmacy.

[5] Thien TV, Status of environmental popululion, laborers' health, and effectiveness of interventions at Van Mon metal recycling village, Yen Phong, Bac Ninh, 2016, doctoral thesis of public health, General department of preventive medicine.

[6] Van NTV, Phuong NTH, Study on labor hygiene status in the small and medium enterprises at an An Phuoc commune, Long Thanh district in 2021, Ho Chi Minh city Journal of Medicine, 2014, vol 18 – supplement of No 6, 2014, 493-499.

[7] Ansari NA, Sheikh MJ, Evaluation of work posture by RULA and REBA: A case study, Journal of Mechanical and Civil Engineering, 2014, 11 (4), pp.18-23.